

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP TN
TỈNH TN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/DS-ST
Ngày: 23-5-2024
V/v Tranh chấp di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tới;
- Bà Nguyễn Thị Kim Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan - Thư ký Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 107, hẻm 07, đường CTV, khu phố M, phường HN, tp TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng V: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 1226 đường 781, ấp NA, xã BN, huyện DMC, tỉnh TN. Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 4838, quyển số: 25/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25-9-2023 tại văn phòng công chứng Nguyễn Thị Đào- Số 30 đường Đặng Ngọc Chinh, khu phố 5, phường 3, tp TN, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà 107 B, hẻm 07 đường CTV, khu phố M, Phường HN, tp TN, tỉnh TN.

3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 148 đường NHT, khu phố H, phường HN, tp TN, tỉnh TN.

3.2. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 86 hẻm số 5, đường CTV, khu phố M, phường HN, tp TN, tỉnh TN.

3.3. Bà Lê Thanh Th, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà 107 B, đường CTV, khu phố M, Phường HN, tp TN, tỉnh TN.

Chị D, ông Tr, bà D, ông T, bà Th có mặt tại phiên tòa.

Ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2023, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị D trình bày:

Cha của ông V tên Nguyễn Văn O, sinh năm 1938, mất ngày 26 tháng 7 năm 1996 âm lịch;

Mẹ của ông V tên Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1942, mất ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Cha mẹ ông V có 04 người con gồm:

1. Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1963;
2. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968;
3. Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1971;
4. Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1974;

Ngoài ra, cha mẹ ông V không có con riêng, không có con nuôi theo quy định pháp luật.

Lúc sinh thời, cha mẹ ông V có tạo dựng được 01 phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 964788, Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05133 QSDD/100/QĐ-UB ngày 24-8-2001 cấp cho bà Nguyễn Thị Ng, diện tích 144 m², theo thửa đất số 742 tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại khu phố M, phường HN, tp TN, tỉnh TN.

Trên đất có 02 căn nhà gồm:

- Nhà xây cất lại do cụ bà Nguyễn Thị Ng cất năm 2006; Hiện nay do ông Nguyễn Hoàng V đang sử dụng.

- Nhà ông Tr đang sinh sống do vợ chồng ông Nguyễn Thành Tr cất năm 2005;

Kết quả đo đạc thực tế đất diện tích 194,5 m². Tăng diện tích so với trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50,5m².

Về giá trị đất tại thời điểm tranh chấp là 250.000.000 đồng/ m ngang.

Nhà do ông V đang sử dụng có giá trị 55.329.900 đồng; Mái che 3.535.800 đồng;

Nhà do ông Tr đang sử dụng có giá trị 55.039.200 đồng; mái che 3.411.300 đồng;

Cụ ông và cụ bà mất không để lại di chúc, nay ông V khởi kiện yêu cầu chia di chúc ra thành 4 phần bằng nhau và ông xin được nhận 1/4 tài sản do cha mẹ chết để lại. Ông V xin nhận kỹ phần bằng hiện vật, cụ thể phần ông V được hưởng như sau:

Đất ngang 9,04 m X 250.000.000 đồng/ m ngang = 2.260.000.000 đồng; Nhà chính do ông V đang sử dụng có giá 55.329.900 đồng. Mái che do ông V tự xây cất nên không yêu cầu chia.

Trong trường hợp các anh chị đồng ý nhận hiện vật thì ông V cũng đồng ý giao lại tài sản là nhà và đất cho ông Tr, ông T, bà D. Ông yêu cầu được nhận số tiền 578.832.475 đồng. Làm tròn số 578.832.000 (Năm trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Ông V yêu cầu mỗi người phải chịu phần chi phí đo đạc và thẩm định giá theo kỹ phần mỗi người được hưởng. Ông đã tạm ứng số tiền chi phí đo đạc và thẩm định giá là 24.000.000 đồng. Ông yêu cầu mỗi người phải chịu 6.000.000 đồng.

Ngoài ra ông V không yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Tr trình bày: Ông Tr thống nhất về cha mẹ, anh chị em trong gia đình; ông Tr thống nhất về nguồn gốc tài sản do cha mẹ chết để lại; ông Tr thống nhất về diện tích, sơ đồ bản vẽ; ông thống nhất giá trị định giá của hội đồng định giá.

Về chia thừa kế: Ông đồng ý chia thừa kế như lời trình bày của ông V, mỗi người hưởng kỹ phần đất diện tích 2,26 m ngang X dài hết đất.

Ông Tr, bà D, ông T thống nhất giao cho ông V diện tích đất ngang 3 m X dài hết đất (20,87m) bên phía nhà ông đang sinh sống và có nguyện vọng giữ lại nhà thờ cha mẹ. Ngoài ra không chia nhà hay mái hiên vì ông V đã nhận nhiều hơn các anh chị còn lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Ngọc D trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông Tr, bà đồng ý giao đất ngang 3 m X dài hết đất (20,87m) phần nhà của ông Tr đang sử dụng, bà yêu cầu được hưởng nhà, đất và đồng ý đứng tên cùng với ông Tr và ông T. Ngoài ra bà D không yêu cầu nào khác.

Ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của ông Tr, bà D đồng ý giao đất ngang 3 m X dài hết đất (20,87m) phần nhà của ông Tr đang sử dụng, ông yêu cầu được hưởng nhà, đất và đồng ý đứng tên cùng với ông Tr và bà D. Ngoài ra ông T không yêu cầu nào khác.

Bà Lê Thanh Th trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông Tr, bà D, ông T. Nhà đang sinh sống do bà và ông Tr cất năm 2005. Nếu yêu cầu chia di

sản thừa kế do cụ bà Nguyễn Thị Ng chết để lại, bà có nguyện vọng được nhận lại tiền nhà đã cất + mái hiên. Ngoài ra bà không yêu cầu nào khác.

Kết quả tiến hành đo đạc thẩm định giá của các cơ quan chuyên môn như sau:

Về phần đo đạc: Đất có diện tích: Đất diện tích 194,5 m²

Phân định giá:

Về giá trị đất tại thời điểm tranh chấp là 250.000.000 đồng/ m ngang.

Nhà do ông V đang sử dụng có giá trị 55.329.900 đồng; Mái che 3.535.800 đồng;

Nhà do ông Tr đang sử dụng có giá trị 55.039.200 đồng; mái che 3.411.300 đồng;

Chị D, ông Tr; bà D; ông T; bà Th không có ý kiến về phần đo đạc và thẩm định giá. Đồng ý với giá thẩm định của Hội đồng định giá.

Tổng giá trị nhà và đất tranh chấp gồm: Đất ngang 9,04 m X dài hết đất với số tiền 2.260.000.000 đồng; nhà hiện do ông V quản lý, sử dụng là 55.329.900 đồng. Tổng số tiền nhà và đất tranh chấp là 2.315.329.900 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN:

+ Về thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 609, 612, 613, 614, 620, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V đối với ông Nguyễn Thành Tr về việc “Chia di sản thừa kế”.

Ông Nguyễn Hoàng V được hưởng kỷ phần với số tiền 578.832.000 (Năm trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn) đồng. Giao tài sản là nhà và đất cho ông V và ông Tr. Ông V có nghĩa vụ giao lại số tiền 578.832.000 (Năm trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn) đồng cho bà D. Ông V và ông Tr có nghĩa vụ giao lại số tiền 578.832.000 (Năm trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn) đồng cho Tùng, số tiền giao cụ thể theo từng diện tích đất cụ thể.

Giải quyết án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Tr chia tài sản do cha mẹ chết để lại nên đây là tranh chấp di sản thừa kế được quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số nhà 107 B, đường CTV, khu phố M, Phường HN, tp TN, tỉnh TN. Tài sản tranh chấp là bất động sản do người chết để lại thuộc khu phố M, phường HN, tp TN, tỉnh TN. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

[2] Về thời điểm mở thừa kế: Cụ ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1938, mất ngày 26 tháng 01 năm 1996 âm lịch; cụ bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1942, mất ngày 29 tháng 3 năm 2011. Do đó thời điểm mở thừa kế được tính từ ngày 29-3-2011.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ ông, cụ bà chết có để lại tài sản là bất động sản gồm nhà và đất tọa lạc tại khu phố M, phường HN, tp TN, tỉnh TN, không để lại di chúc. Đến ngày 06-10-2023 ông V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Căn cứ vào Điều 611; 623 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu chia di sản do người chết để lại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Về tài sản do người chết để lại: Phần đất có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 964788, Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05133 QSDĐ/100/QĐ-UB ngày 24-8-2001 cấp cho bà Nguyễn Thị Ng, diện tích 144 m², theo thửa đất số 742 tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại khu phố M, phường HN, tp TN, tỉnh TN. Qua đo đạc thực tế, diện tích tăng thêm 50,5m². Công văn số: 204/VPĐKĐĐ-TPTN ngày 26-4-2024 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh TN- Chi nhánh tp TN trả lời "... Diện tích thửa đất tăng 50,5m² đất CLN so với diện tích đã được cấp do sai lệch diện tích giữa hệ thống bản đồ cũ và hệ thống bản đồ mới.

Mặt khác, Tòa án tiến hành xác minh với các hộ dân sinh sống đất giáp ranh với đất của cụ bà Nguyễn Thị Ng: Nhà ông Nguyễn Văn Khuê giáp với đất cụ bà Ng theo hướng nam của thửa đất, được ông Khuê cung cấp: Ông sinh sống từ năm 1965 đến hiện nay, không thay đổi ranh, nhà ông Khuê xây dựng có ranh là vách tường theo kết cấu nhà. Việc đo đạc Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, do các cháu học sinh cầm thước đo, khả năng bị sai sót về ranh theo bản vẽ là có khả năng xảy ra. Ông Khuê đồng ý với ranh hiện trạng.

Ông Lê Tấn Xuân cung cấp: Ông sinh sống tại đất giáp ranh với nhà cụ Ngõa theo hướng bắc từ nhỏ. Từ trước đến nay không thay đổi ranh và có ranh

giới rõ ràng (phía trước là hàng rào, phía sau là tường nhà) ông không tranh chấp về ranh.

Ông Lê Minh Điền (thửa số 58) cung cấp: Ông sinh sống từ trước giải phóng năm 1975 cho đến nay. Phía sau nhà giáp với đất của cụ bà Nguyễn Thị Ngõa. Phía sau có hàng rào và trụ rào do gia đình tôi (ông Điền) xây dựng. Việc lệch ranh là do bản vẽ, bản đồ địa chính, ông không có ý kiến hay tranh chấp.

Tuy phần đất giáp ranh với nhà và đất của ông Lê Minh Xuân phía tiếp giáp với đường đi có 0,26 cm do nhà ông Xuân lấn sang nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh chấp, đồng ý với ranh hiện trạng. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trên đất tranh chấp có 02 căn nhà, căn nhà thứ nhất do cụ bà Nguyễn Thị Ngõa xây dựng năm 2006, hiện do ông V đang quản lý, sử dụng có giá 55.329.900 đồng. Căn nhà thứ 02 do ông Tr, bà Th tự xây dựng năm 2005. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông Tr, bà D, ông T có nguyện vọng được giữ lại nhà thờ và các ông, bà có nguyện vọng được nhận nhà thờ.

Ông V yêu cầu được nhận nhà và đất, đồng ý trả lại bằng tiền theo kỹ phần mà các đồng thừa kế được nhận, trong trường hợp các anh chị có yêu cầu nhận tài sản thì ông đồng ý giao tài sản thừa kế và nhận bằng tiền. Do ông V đang quản lý và sử dụng nhà và đất nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cho ông V quản lý, sử dụng, ông V có nghĩa vụ giao lại số tiền tương đương với phần ông đã nhận nhiều hơn kỹ phần thừa kế ông được nhận.

Ông Tr, bà Th có yêu cầu được nhận nhà ông bà đang sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao nhà cho ông Tr, bà Th tiếp tục sử dụng. Phần đất ông Tr nhận lớn hơn 01 kỹ phần của ông, vì vậy ông có nghĩa vụ giao lại số tiền tương đương với phần đất ông được nhận.

Bà D, ông T đã có nhà và đất, hiện đang sinh sống riêng và không sinh sống tại nhà và đất đang tranh chấp, không có nhu cầu về nhà ở, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông V nhận nhà của cụ bà Ng, ông có nghĩa vụ giao lại kỹ phần bằng tiền cho bà D, ông T.

Trên đất có 02 căn nhà gồm căn thứ nhất do cụ bà Nguyễn Thị Ng xây năm 2006; Tổng giá trị nhà 55.329.900 đồng và đất 2.260.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 2.315.329.900 đồng; mỗi kỹ phần được nhận:

Đất: 2.260.000.000 đồng chia làm 4 kỹ phần = 565.000.000 đồng.

Nhà: 55.329.900 đồng chia làm 4 kỹ phần = 13.832.475 đồng.

Căn nhà thứ 02 do ông Nguyễn Thành Tr và bà Lê Thanh Th tự xây năm 2005, nguyên đơn, bị đơn người liên quan không yêu cầu chia. Hội đồng xét xử giao nhà và đất cho ông Tr, bà Th tiếp tục sinh sống.

[4.2] Về hàng thừa kế:

Cụ ông, cụ bà có 04 người con đẻ gồm: Bà Nguyễn Ngọc D; ông Nguyễn Thanh T; ông Nguyễn Thành Tr; ông Nguyễn Hoàng V, Theo lời khai của bà D, ông T, ông Tr, ông V; cụ ông, cụ bà không còn con nào khác;

[4.3] Công văn số: 204/VPĐKĐĐ-CNTPTN ngày 26-4-2024 trả lời việc tách thửa theo Bản án, Quyết định của Tòa án thì không áp dụng Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 26-4-2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh TN. Ông Khuê, ông Điền đồng ý sử dụng ranh hiện trạng, các ông không khiếu nại hay tranh chấp ranh với ông Tr, ông V, bà D, ông T về ranh đất theo bản đồ địa chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nhà và diện tích đất cho ông V, ông Tr.

[4.4] Xét việc ông V hiện đang là người sinh sống tại nhà thừa kế. Hội đồng xét xử cần giao nhà và đất cho ông V tiếp tục sử dụng, ông V có nghĩa vụ trả lại số tiền kỹ phần cho ông T, bà D.

[4.5] Do ông Tr, bà D, ông T không nhận nhà nên mỗi ông được chia nhà thừa kế bằng kỹ phần là 13.832.475 đồng.

[5] Từ các nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V khởi kiện ông Nguyễn Thành Tr về việc tranh chấp di sản thừa kế.

Ông Nguyễn Hoàng V được hưởng đất có diện tích 116,5 m² đất tọa lạc tại khu phố M, Phường HN, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do cụ bà Ng xây.

Ông Nguyễn Thành Tr được hưởng đất có diện tích 78 m² đất tọa lạc tại khu phố M, Phường HN, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do ông Tr, bà Th tự xây năm 2005.

Ông V có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Ngọc D số tiền đất 565.000.000 đồng + nhà theo kỹ phần 13.832.475 đồng. Tổng số tiền làm tròn số 578.832.000 đồng.

Ông V có nghĩa vụ giao kỹ phần căn nhà cho ông Tr, ông T mỗi người 13.832.475 đồng.

Về phần đất: Ông V có nghĩa vụ giao cho ông T số tiền của diện tích đất được hưởng và tiền chia căn nhà với số tiền 251.341.000 đồng.

Ông Tr có nghĩa vụ giao cho ông T số tiền của diện tích đất được hưởng 327.491.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Tr, bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền đám tang, tiền ma chay, tiền giỗ của cụ ông O, cụ bà Ng nên Hội đồng xét xử không xem xét, ghi nhận ý kiến của các ông, bà.

[7] Tại phiên tòa, bà Th yêu cầu xem xét nhận lại số tiền căn nhà tạm do bà và ông Tr xây dựng năm 2005 nhưng Hội đồng xét xử xem xét giao nhà của ông Tr, bà Th cho ông bà tiếp sử dụng nên không đặt ra giải quyết.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị phù hợp với nhận định nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Hoàng V, ông Nguyễn Thành Tr, bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là (làm tròn số) 27.153.000 đồng.

Bà D có đơn xin miễn án phí và Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông V có đơn xin xem xét miễn giảm án phí nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về chi phí tố tụng: Ông V, ông Tr, bà D, ông T mỗi người phải chịu 6.000.000 đồng. Ông V đã tạm ứng chi phí tố tụng, vì vậy ông Tr, bà D, ông T phải hoàn trả lại cho ông V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 609; 613; 614; 620; 649; 650; 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 12; 14; 26 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Hoàng V đối với Nguyễn Thành Trước về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

1.1 Ông Nguyễn Hoàng V được hưởng đất có diện tích 116,5 m², trong đó đất ở đô thị có diện tích 90m²) đất tọa lạc tại khu phố M, Phường HN, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do cụ bà Ng xây. Đất có tứ cận như sau:

Đông giáp đường nhựa hẻm CTV dài 5,25 m;

Tây giáp thửa 58 dài 6,15 m;

Nam giáp đất ông Nguyễn Thành Tr dài 20,48 m;

Bắc giáp thửa 56 (đất ông Lâm Tấn Luân) dài 20,41 m;

Buộc ông Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc D số tiền 578.832.000 (Năm trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Buộc ông Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 251.341.000 (Hai trăm năm mươi một triệu ba trăm bốn mươi một nghìn) đồng.

1.2 Ông Nguyễn Thành Tr được hưởng đất có diện tích 78 m², (trong đó đất ở đô thị có diện tích 54m²) đất tọa lạc tại khu phố M, Phường HN, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do ông Tr, bà Th xây. Đất có tứ cận như sau:

Đông giáp đường nhựa hẻm CTV dài 3,79 m;

Tây giáp thửa 58 dài 3,6 m;

Nam giáp thửa 74 (đất ông Nguyễn Văn Khuê) dài 20,87 m;

Bắc giáp đất ông Nguyễn Hoàng V dài 20,48 m;

Buộc ông Nguyễn Thành Tr có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 327.491.000 (Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi một nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Hoàng V; ông Nguyễn Thành Tr; ông Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu số tiền 27.153.000 (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ngọc D được miễn án phí.

2.2. Khấu trừ số tiền ông Nguyễn Hoàng V đã nộp tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002509 ngày 03-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự tp TN, tỉnh TN. Ông Nguyễn Hoàng V còn phải nộp số tiền 22.153.000 (Hai mươi hai triệu một trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng V; ông Nguyễn Thành Tr; bà Nguyễn Ngọc D; ông Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Ông Nguyễn Hoàng V đã tạm ứng số tiền 24.000.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Thành Tr; bà Nguyễn Ngọc D; ông Nguyễn Thanh T mỗi người có nghĩa vụ trả lại cho ông V số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

4. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa